

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VIP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VIP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIP SUPPORTING SERVICES AND EQUIPMENTS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIP SSE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107921028

**3. Ngày thành lập:** 13/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10A, ngách 97/29, đường Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979 363 542

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                           | 8510        |
| 2.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                          | 8520        |
| 3.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                              | 8551        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                         | 4649        |
| 5.  | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4762        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                             | 4610        |
| 7.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                 | 3240        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                       | 8559        |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                         | 4719        |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                | 8552        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                             | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                             | 4330        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                    | 8560(Chính) |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); | 4659        |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                          | 4669        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                          | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4759 |
| 18. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4771 |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                          | 4799 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 22. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                      | 1709 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 24. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                  | 8532 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 26. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4751 |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4752 |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                           | 4753 |
| 29. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4761 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4763 |
| 31. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4764 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4773 |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                            | 4789 |
| 34. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                               | 4791 |

**6. Vốn điều lệ:** 690.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH DUY    | TDP số 8 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 345.000.000           | 50,000    | 031085007026                                                                                                                                      |         |
| 2   | HOÀNG THỊ LỆ QUYÊN | TDP số 8 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 345.000.000           | 50,000    | 031185003600                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031085007026

Ngày cấp: 07/06/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP số 8 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TDP số 8 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội